TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2025/HS-ST
Ngày: 24/7/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Q

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc S, ông Nguyễn Đình Q.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần H - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội tham gia phiên tòa: bà Nông Thị Bích P - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 141/2025/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm (nay là Toà án nhân dân khu vực 4 – Hà Nội) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Hoàng H, sinh ngày 15/02/20xx; tại tỉnh H; nơi đăng ký thường trú: Ấp 7, xã L A, thị xã L, tỉnh H(nay phường L, thành phố C); giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 07/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Văn N, sinh năm 19xx và con bà Mai Thị Mộng L, sinh năm 19xx; vợ, con chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/3/2025, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 01 – Công an thành phố Hà Nội; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 19xx; Trú tại: số 609 đường L, phường G, quận B, thành phố H (nay là phường G, thành phố H). Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị Đào Thị Chanh T, sinh năm 20xx; Trú tại:T, T, Cần Thơ. (Nay là phường Ô, thành phố C). Vắng mặt tại phiên toà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Ích M, sinh năm 19xx; Trú tại: xã Đ, huyện H, thành phố H (nay là xã H, thành phố H). Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Hoàng H quen biết với anh Nguyễn Văn T từ năm 2019. Đầu tháng

2/2025, H đi từ quê H ra Hà Nội để tìm việc làm và do chưa có chỗ ở nên được anh T cho ở nhờ tại căn hộ 12A11 tòa TK1 V, phường T, phường N, Hà Nội (nay là phường T, thành phố H). Do anh T có cho một số người vay tiền lấy lãi nên T đã giao cho H công việc thu tiền từ người vay, thỏa thuận trả lương là 7 triệu đồng/tháng. Ngày 21/2/2025, chị Nguyễn Thị Thùy D (SN: 20xx; HKTT: M, C, Đồng Tháp nay là xã M, tỉnh Đ) là bạn của H cần vay số tiền 30.000.000 đồng nên H đã giới thiệu chị D vay tiền của T. Anh T đồng ý cho vay và bảo anh Đoàn Công M (SN: 19xx; HKTT: Q, Q, Thái Bình nay là xã N, tỉnh H) chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng từ tài khoản số 26xxxxxxx86 ngân hàng V của M đến tài khoản số 10xxxxxx48 ngân hàng V của chị D, thỏa thuận trả trong 30 ngày, mỗi ngày 1.000.000 đồng tiền gốc. Tuy nhiên do chị D chỉ cần dùng số tiền 24.000.000 đồng nên đã chuyển khoản trả lại cho anh T số tiền 7.000.000 đồng vào tài khoản số 39xxxxxx07 ngân hàng T mang tên Phạm Hoàng H (trong đó 6.000.000 đồng là tiền gốc, 1.000.000 đồng là tiền lãi của số tiền vay 24.000.000 đồng) để nhờ H chuyển khoản trả cho anh T. H sau đó đã chuyển khoản trả 6.000.000 đồng cho anh T, còn 1.00.000 đồng H hỏi vay thì anh T đồng ý. Sau đó, hàng ngày chị D chuyển khoản trả số tiền 1.000.000 đồng cho anh T qua tài khoản của H hoặc chuyển vào tài khoản số 19xxxxxxxxxx13 của anh T.

Chiều ngày 23/2/2025, do cần chi tiêu cá nhân nên H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh T, H sau đó nói dối anh T về việc chị D đang cần vay gấp số tiền 10.000.000 đồng. Anh T do thấy chị D trả nợ đúng thời hạn và tin tưởng lời H nói là thật nên cùng ngày, tại căn hộ 12A11 tòa TK1, V, phường T, N, Hà Nội (nay là phường T, thành phố H), anh T đã chuyển khoản số tiền 9.500.000 đồng (đã trừ trước 500.000 đồng tiền lãi của 1 tháng, tương đương lãi suất là 365/10.000.000 đồng x 30 ngày = 60,8%/ năm) từ tài khoản số 19xxxxxxxxxx13 ngân hàng T của anh T đến tài khoản số 39xxxxxx07 ngân hàng T của H. H sau khi nhận được tiền đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết và cùng ngày, H nói với anh T chuyển đến nhà bạn ở, anh T đồng ý. H sau đó đã chuyển đến ở nhờ phòng trọ của bạn là chị Đào Thị Chanh T tại số 17/141/1194 đường L, phường L, Đ, (nay là phường L) Hà Nội. Quá trình ở nhờ, H thấy chị T có chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead BKS 65H1-384.23 nên ngày 7/3/2025, H đã lấy trộm đăng ký xe máy của chị T (đăng ký để trong túi xách) đem đến cầm cố tại cửa hàng cầm đồ (địa chỉ ngõ 162 đường C, phường M , B (nay là phường T) Hà Nội) của anh Nguyễn Ích M lấy 3.000.000 đồng trong thời hạn 7 ngày. Anh M đồng ý và chuyển khoản cho H số tiền 2.950.000 đồng (đã cắt 50.000 đồng tiền lãi). Đến ngày 10/3/2025, H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy Honda Lead BKS 65H1-384.23 của chị T nên H đã giả vờ hỏi mượn chị T xe để đi công việc và hẹn trả lại trong ngày, chị T đồng ý. Sau khi chị T đưa chìa khóa xe máy và giao xe cho H mượn, H đã đem xe đến cửa hàng cầm đồ của anh Nguyễn Ích M để đặt cầm cố. Anh M sau khi kiểm tra xe đã đồng ý nhận cầm cố xe với giá

16.000.000 đồng, bao gồm cả tiền cầm cố đăng ký xe máy trước đó. Do H nói muốn cầm cố xe máy trong 20 ngày nên anh M đã chuyển khoản cho H số tiền 12.925.000 đồng, đã trừ đi 75.000 đồng tiền lãi. Sau đó, anh M đưa cho H 1 giấy vay tiền có in sẵn địa chỉ cửa hàng để H tự điền các thông tin vay số tiền 16.000.000 đồng và đặt lại xe máy làm tin. Ngoài ra, anh M còn đưa cho H 01 giấy bán xe để H ký tên nhưng không viết nội dung (giấy bán xe anh M giữ). Sau khi nhận được tiền, H đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 10/3/2025, anh T có gọi điện cho chị D để nhắc D trả khoản tiền vay 10.000.000 đồng thì mới biết chị D không vay và không nhờ H vay hộ khoản tiền này. Anh T sau đó đã gọi điện cho H để hỏi nhưng do không liên lạc được và cũng không tìm gặp được H nên anh T đã đến Công an phường T trình báo sự việc.

Ngày 14/3/2024, Phạm Hoàng H đến Công an phường T đầu thú.

Cùng ngày 14/3/2024, anh Nguyễn Ích M sau khi biết chiếc xe máy Honda Lead BKS 65H1-384.23 nhận cầm cố là tài sản do H phạm tội mà có nên đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Công an để điều tra, làm rõ.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Hoàng H khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Lead BKS 65H1-384.23; 01 đăng ký xe và 01 giấy bán xe có chữ ký của Phạm Hoàng H.

Tại Kết luận định giá tài sản số 45/KLĐGTS ngày 28/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS - UBND quận Nam Từ Liêm, xác định: *01 xe máy nhãn hiệu Honda Lead BKS 65H1-384.23, số khung: 7930KZ311547, số máy: JF89E0073559, đăng ký lần đầu ngày 16/12/2019, trị giá là 18.000.000 đồng.*

Đối với chiếc xe máy Honda Lead BKS 65H1-384.23, quá trình điều tra xác định xe đăng ký đứng tên chị Đào Thị Chanh Đ (SN: 19xx; HKTT: T, T, Cần Thơ (Nay là phường Ô, thành phố C) - là chị gái của chị Đào Thị Chanh T) cho chị T mượn để đi làm nên ngày 28/4/2025, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng và tiến hành trao trả chiếc xe máy cùng 01 đăng ký xe đã thu giữ cho chị T. Chị T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường dân sự.

Đối với anh Nguyễn Ích M, quá trình điều tra xác định khi nhận cầm cố tài sản, anh M Không biết nguồn gốc là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra đã có Công văn số 1967 ngày 21/5/2025 đề nghị UBND quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Ích M về hành vi "Nhận cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố" theo quy định tại điểm i khoản 3 Điều 12 Nghị định 144/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ.

Mở rộng điều tra đối với hành vi cho vay lãi của Nguyễn Văn T, Cơ quan điều tra xác định T đã cho chị Nguyễn Thị Thùy D, Lê Thị Cẩm T, Hồ Thị Tuyết S và Phan Thị B vay tiền, cụ thể như sau:

- Ngày 21/2/2025, T cho chị Nguyễn Thị Thùy D (SN: 2002; HKTT: M, C, Đồng Tháp nay là xã M, tỉnh Đ) vay số tiền 24.000.000 đồng trong vòng 24

ngày, với mức lãi suất là 1.000.000 đồng, tương đương 1.000.000 đồng x 365/24.00.000 đồng x 24ngày = 63,3%/ năm. Lãi suất tối đa mà T được phép thu theo quy định tại Điều 468 BLDS là 24.000.000 đồng x 20%/365x24 = 315.616 đồng. Như vậy, số tiền T thu lời bất chính là ***684.384 đồng***.

- Ngày 17/1/2025, T cho chị Lê Thị Cẩm T (SN: 19xx; HKTT: P, T, Vĩnh Long nay là xã L, tỉnh V) vay số tiền 160.000.000 đồng, với lãi suất 250.000.000 đồng/1 ngày, tương đương với mức lãi suất là 250.000 đồng x 365/160.000.000 đồng = 57%/ năm. Chị T đã trả cho anh T 80.000.000 đồng tiền gốc trong vòng 50 ngày, và 12.500.000 đồng tiền lãi. Theo quy định tại Điều 468 BLDS, lãi suất tối đa mà T được phép thu cao nhất không quá 20%/năm, tương đương 160.000.000 đồng x 20%/365x50 = 4.383.561 đồng. Như vậy, số tiền T thu lời bất chính là ***8.116.438 đồng***. Ngày 8/3/2024, T tiếp tục cho chị T vay số tiền 69.700.000 đồng, ngày 10/3/2025 vay số tiền 39.200.000 đồng, ngày 29/3/2025 vay số tiền 74.500.000 đồng, T cộng dồn 3 khoản vay này cùng số tiền chị T còn nợ 80.000.000 đồng là 263.400.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 420.000 đồng/1 ngày, tương đương với mức lãi suất là 420.000 đồng x 365/263.400.000 đồng = 58,2%/ năm. Chị T đã trả cho anh T 71.750.000 đồng tiền gốc trong vòng 41 ngày và 17.220.000 đồng tiền lãi. Lãi suất tối đa mà T được phép thu theo quy định là 263.400.000 đồng x 20%/365 x 41 = 5.917.479 đồng. Như vậy, số tiền T thu lời bất chính là ***11.392.521 đồng***. Ngày 19/4/2025, T cho chị T vay số tiền 28.800.000 đồng, cộng dồn số tiền T còn nợ T là 191.650.000 đồng là 220.450.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 440.000 đồng/1 ngày, tương đương với mức lãi suất là 440.000 đồng x 365/220.450.000 đồng = 72,8%/ năm. T đã trả được số tiền 34.000.000 đồng trong 20 ngày, và 8.800.000 đồng tiền lãi. Lãi suất tối đa mà T được phép thu theo quy định là 220.450.000 đồng x 20%/365x20 = 2.415.890 đồng. Như vậy, số tiền T thu lời bất chính ***6.384.110 đồng***. *Tổng số tiền T thu lời bất chính từ việc cho chị T vay tiền là* ***25.803.070 đồng.***

- Ngày 5/2/2025, T cho chị Hồ Thị Tuyết S (SN: 20xx; HKTT: Đ A, A, Kiên Giang nay là xã Đ, tỉnh A) vay số tiền 18.000.000 đồng trong vòng 23 ngày, do cắt lãi 1.000.000 đồng nên T chuyển khoản cho chị S số tiền 17.000.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là 1.000.000 đồng x 365/18.00.000 đồng x 23 ngày = 88,16%/ năm. Lãi suất tối đa mà T được phép thu theo quy định tại Điều 468 BLDS là 18.000.000 đồng x 20%/365x23 = 226.849 đồng. Như vậy, số tiền T thu lời bất chính là ***773.151 đồng***. Ngày 26/2/2025, T cho chị S vay số tiền 19.000.000 đồng, cộng dồn số tiền chị S còn nợ T là 18.000.000 đồng là 37.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 50.000 đồng/1 ngày, tương đương với mức lãi suất là 50.000 đồng x 365/37.000.000 đồng = 49,3%/ năm. Chị S đã trả được số tiền 15.750.000 đồng trong 35 ngày, và 1.750.000 đồng tiền lãi. Lãi suất tối đa mà T được phép thu theo quy định là 37.000.000 đồng x 20%/365x35 = 709.589 đồng. Như vậy, số tiền T thu lời bất chính ***1.040.411 đồng***. Ngày 3/4/2025, T cho chị S vay số tiền 15.000.000 đồng, cộng dồn số tiền chị S còn nợ T là 21.250.000 đồng là 36.250.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 75.000 đồng/1

ngày, tương đương với mức lãi suất là 75.000 đồng x 365/21.250.000 đồng = 75,5%/ năm. Chị S đã trả được số tiền 36.075.000 đồng trong 39 ngày, và 2.925.000 đồng tiền lãi. Lãi suất tối đa mà T được phép thu theo quy định là 36.075.000 đồng x 20%/365x39 = 774.657 đồng. Như vậy, số tiền T thu lời bất chính ***2.120.343 đồng***. *Tổng số tiền T thu lời bất chính từ việc cho chị S vay tiền là* ***3.933.905 đồng.***

- Ngày 18/1/2025 T cho chị Phan Thị B (SN: 19xx; HKTT: tỉnh B) vay số tiền 30.000.000 đồng trong vòng 20 ngày, do cắt lãi 600.000 đồng nên T chuyển khoản cho chị B số tiền 29.400.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là 600.000 đồng x 365/30.00.000 đồng x 20 ngày = 36,5%/ năm. Chị B đã trả cho anh T 9.000.000 đồng tiền gốc trong vòng 6 ngày. Lãi suất tối đa mà T được phép thu theo quy định tại Điều 468 BLDS là 30.000.000 đồng x 20%/365x6 = 98.630 đồng. Như vậy, số tiền T thu lời bất chính là ***501.370 đồng***. Ngày 21/1/2025, T cho chị B vay số tiền 118.500.000 đồng, cộng dồn số tiền chị B còn nợ T là 20.400.000 đồng là 138.900.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 780.000 đồng/3 ngày, tương đương với mức lãi suất là 780.000 đồng x 365/138.900.000 đồng x3 = 68,3%/ năm. Chị B đã trả được số tiền 68.400.000 đồng trong 36 ngày, và 9.360.000 đồng tiền lãi. Lãi suất tối đa mà T được phép thu theo quy định là 138.900.000 đồng x 20%/365x36 = 2.739.945 đồng. Như vậy, số tiền T thu lời bất chính ***6.621.000 đồng***. Ngày 6/3/2025, T cho chị B vay số tiền 19.000.000 đồng, cộng dồn số tiền chị B còn nợ T là 70.600.000 đồng là 89.600.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 480.000 đồng/3 ngày, tương đương với mức lãi suất là 480.000 đồng x 365/89.600.000 đồng x 3 = 65,17%/ năm. Chị B đã trả được số tiền 66.000.000 đồng trong 23 ngày, và 3.680.000 đồng tiền lãi. Lãi suất tối đa mà T được phép thu theo quy định là 89.600.000 đồng x 20%/365x23 = 1.290.205 đồng. Như vậy, số tiền T thu lời bất chính ***2.550.795 đồng***. Ngày 8/4/2025, T cho chị B vay số tiền 28.950.000 đồng, cộng dồn số tiền chị B còn nợ T là 23.600.000 đồng là 52.550.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 330.000 đồng/3 ngày, tương đương với mức lãi suất là 330.000 đồng x 365/52.550.000 đồng x 3 = 76,4%/ năm. Chị B đã trả được số tiền 52.550.000 đồng trong 23 ngày, và 2.530.000 đồng tiền lãi. Lãi suất tối đa mà T được phép thu theo quy định là 52.550.000 đồng x 20%/365x23 = 662.273 đồng. Như vậy, số tiền T thu lời bất chính **1.867.727 đồng**. Tổng số tiền T thu lời bất chính từ việc cho chị B vay tiền là **11.039.522 đồng.**

Tổng số tiền T thu lời bất chính từ việc cho chị T, S, D, B vay là 41.460.881 đồng.

Do Nguyễn Văn T cho vay với lãi suất từ 36,5% đến 88,16%, chưa vượt quá 5 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật Dân sự nên hành vi chưa đến mức xử lý hình sự về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên Cơ quan điều tra đã có Công văn số 2438 ngày 11/6/2025 đề nghị UBND quận Nam Từ Liêm đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Nguyễn Văn T về hành vi "Không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự

mà cho vay tiền có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự, theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 12 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021.

Đối với Đoàn Công M (được T yêu cầu chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng cho chị D vay), quá trình điều tra xác định M được T thuê để đôn đốc việc trả nợ của người vay tiền, M không biết cụ thể số tiền vay và lãi suất bao nhiêu, do đó cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về dân sự: Chị Đào Thị Chanh T không có yêu cầu bồi thường dân sự; Anh Nguyễn Ích M yêu cầu H bồi thường số tiền 16.000.000 đồng. Anh Nguyễn Văn T yêu cầu H bồi thường số tiền 9.500.000 đồng.

Lời khai nhận tội của Phạm Hoàng H phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai người liên quan, phù hợp với dữ liệu tin nhắn, sao kê tài khoản ngân hàng và tài liệu điều tra khác.

Tại bản Cáo trạng số 104/CT-VKSNTL, ngày 16/5/2025, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đã truy tố Phạm Hoàng H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Anh Nguyễn Văn T có đơn xin rút yêu cầu bồi thường số tiền 9.500.000 đồng đối với bị cáo. Anh Nguyễn Ích M đề nghị bị cáo bồi thường số tiền 15.875.000 đồng là số tiền bị cáo chiếm đoạt thực tế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự, xử phạt bị cáo Phạm Hoàng H từ 21 tháng đến 24 tháng tù; không phạt bổ sung đối với bị cáo; về tang vật: tiếp tục lưu giữ 01 Giấy bán xe trong hồ sơ vụ án, trả lại bị cáo 01 Căn cước công dân mang tên Phạm Hoàng H. Về dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn T về việc Không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 9.500.000 đồng và buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Ích M số tiền 15.875.000 đồng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu trên và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát Khu vực 4 – Hà Nội): Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm

quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng được thu giữ, cùng các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 15 giờ 48 phút ngày 23/2/2025, tại căn hộ 12A11 tòa TK1, V, phường T, N, Hà Nội (nay là phường T, thành phố H), Phạm Hoàng H đã có hành vi gian dối chiếm đoạt số tiền 9.500.000 đồng của anh Nguyễn Văn T và chi tiêu cá nhân hết.

Khoảng 4 giờ 30 phút ngày 10/3/2025, tại số 17/141/1194 đường L, phường L, Đ, Hà Nội (phường L, thành phố H), Phạm Hoàng H đã có hành vi gian dối chiếm đoạt chiếc xe máy Honda Lead BKS 65H1-384.23, trị giá 18.000.000 đồng của chị Đào Thị Chanh T, đem đi cầm cố cho anh Nguyễn Ích M lấy 16.000.000 đồng và đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi của bị cáo đã phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Vì vậy bản cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét tính chất hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Do cần tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối, khiến anh T, chị T tin tưởng giao tài sản cho bị cáo để bị cáo chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an xã hội; gây hoang mang lo sợ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, thể hiện thái độ lười lao động và coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy cần áp dụng hình phạt tù nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện 2 lần hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn T tự nguyện rút yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.500.000 đồng nên cần ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn T. Anh Nguyễn Ích M yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 15.875.000 đồng là số tiền thực tế bị cáo chiếm đoạt của anh M nên được chấp nhận.

[7]. Về vật chứng: Đối với 01 Giấy bán xe có chữ ký của bị cáo là tài liệu chứng cứ nên cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Đối với 01 căn cước công dân mang tên Phạm Hoàng H không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1,khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Hoàng H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

3. Xử phạt: Bị cáo Phạm Hoàng H **21** ***(hai mươi mốt)*** tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 15/3/2025.

4. Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Ích M số tiền 15.875.000 đồng *(mười lăm triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* và ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn T về việc không yêu cầu Phạm Hoàng H bồi thường số tiền 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Nguyễn Ích M có đơn yêu cầu T hành án cho đến khi T hành án xong, bị cáo Phạm Hoàng H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền bồi thường còn phải T hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được T hành án theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án, hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

5. Về vật chứng: Trả lại bị cáo 01 Căn cước công dân mang tên Phạm Hoàng H. (*Căn cước công dân được lưu giữ tại Phòng T hành án dân sự khu vực 4 - Hà Nội theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/7/2025*).

6. Về án phí và quyền kháng cáo:

- Bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 793.750 đồng (*bảy trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần quyền và nghĩa vụ liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND.TP. Hà Nội;
- VKSND.Khu vực 4 Hà Nội;
- Công an TP Hà Nội;
- THADS Khu vực 4 – Hà Nội;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp TP. Hà Nội;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Q

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

****

TRAO ĐỔI NGHIỆP VỤ

Kính gửi: Đồng chí Chánh án Toà án nhân dân khu vực 4 – Hà Nội.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 141/2025/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: …./2025/QĐXXST-HS ngày … tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Hoàng H, sinh ngày 15/02/200; tại Hậu Giang; nơi đăng ký thường trú: Ấp 7, xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (nay phường Long Mỹ, thành phố Cần Thơ); giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 07/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Văn N, sinh năm 1969 và con bà Mai Thị Mộng Linh, sinh năm 1972; vợ, con chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/3/2025, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 01 – Công an thành phố Hà Nội; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; Trú tại: số 609 đường La Thành, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (nay là phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội). Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị Đào Thị Chanh T, sinh năm 2000; Trú tại:Thới Thạch, Thới Lai, Cần Thơ. (Nay là phường Ô Môn, thành phố Cần Thơ). Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Ích M, sinh năm 1990; Trú tại: xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội (nay là xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội). Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Hoàng H quen biết với anh Nguyễn Văn T từ năm 2019. Đầu tháng 2/2025, H đi từ quê Hậu Giang ra Hà Nội để tìm việc làm và do chưa có chỗ ở nên đã liên hệ với anh T và được anh T cho ở nhờ tại căn hộ 12A11 tòa TK1 Vinhomes Smartcity, phường Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội (nay là phường Tây Mỗ, thành phố Hà Nội). Do anh T có cho một số người vay tiền lấy lãi nên T đã giao cho H công việc thu tiền từ người vay, thỏa thuận trả lương là 7 triệu đồng/1 tháng. Ngày 21/2/2025, chị Nguyễn Thị Thùy D (SN: 2002; HKTT: Mỹ Long, Cao Lãnh, Đồng Tháp nay là xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp) là bạn của H cần vay số tiền 30.000.000 đồng nên H đã giới Tệu chị D vay tiền của T. Anh T đồng ý cho vay và bảo anh Đoàn Công M(SN: 1994; HKTT: Quỳnh Xá, Quỳnh Phụ, Thái Bình nay là xã Ngọc Lâm, tỉnh Hưng Yên) chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng từ tài khoản số 26662628386 ngân hàng Vpbank của M đến tài khoản số 1041317948 ngân hàng Vietcombank của chị D, thỏa thuận trả trong 30 ngày, mỗi ngày 1.000.000 đồng tiền gốc. Tuy nhiên do chị D chỉ cần dùng số tiền 24.000.000 đồng nên đã chuyển khoản trả lại cho anh T số tiền 7.000.000 đồng vào tài khoản số 3914022007 ngân hàng Techcombank mang tên Phạm Hoàng H (trong đó 6.000.000 đồng là tiền gốc, 1.000.000 đồng là tiền lãi của số tiền vay 24.000.000 đồng) để nhờ H chuyển khoản trả cho anh T. H sau đó đã chuyển khoản trả 6.000.000 đồng cho anh T, còn 1.00.000 đồng H hỏi vay thì anh T đồng ý. Sau đó, hàng ngày chị D chuyển khoản trả số tiền 1.000.000 đồng cho anh T qua tài khoản của H hoặc chuyển vào tài khoản số 19034426760013 của anh T.

Chiều ngày 23/2/2025, do cần chi tiêu cá nhân nên H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh T, H sau đó nói dối anh T về việc chị D đang cần vay gấp số tiền 10.000.000 đồng. Anh T do thấy chị D trả nợ đúng thời hạn và tin tưởng lời H nói là thật nên cùng ngày, tại căn hộ 12A11 tòa TK1, Vinhomes Smartcity, phường Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội (nay là phường Tây Mỗ, thành phố Hà Nội), anh T đã chuyển khoản số tiền 9.500.000 đồng (đã trừ trước 500.000 đồng tiền lãi của 1 tháng, tương đương lãi suất là 365/10.000.000 đồng x 30 ngày = 60,8%/ năm) từ tài khoản số 19034426760013 ngân hàng

Techcombank của anh T đến tài khoản số 3914022007 ngân hàng Techcombank của H. H sau khi nhận được tiền đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết và cùng ngày, H nói với anh T chuyển đến nhà bạn ở, anh T đồng ý. H sau đó đã chuyển đến ở nhờ phòng trọ của bạn là chị Đào Thị Chanh T (SN: 2000; HKTT: Thới Thạnh, Thới Lai, Cần Thơ Nay là phường Ô Môn, thành phố Cần Thơ) tại số 17/141/1194 đường Láng, phường Láng Thượng, Đống Đa, (nay là phường Láng)Hà Nội. Quá trình ở nhờ, H thấy chị T có chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead BKS 65H1-38423 nên ngày 7/3/2025, H đã lấy trộm đăng ký xe máy của chị T (đăng ký để trong túi xách) đem đến cầm cố tại cửa hàng cầm đồ (địa chỉ ngõ 162 đường Cầu Diễn, phường M Khai, Bắc Từ Liêm (nay là phường Tây Tựu) Hà Nội) của anh Nguyễn Ích M (SN: 1990; HKTT: Đức Giang, Hoài Đức,(nay là xã Hoài Đức) Hà Nội) lấy 3.000.000 đồng trong thời hạn 7 ngày. Anh M đồng ý và chuyển khoản cho H số tiền 2.950.000 đồng (đã cắt 50.000 đồng tiền lãi). Đến ngày 10/3/2025, H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy Honda Lead BKS 65H1-38423 của chị T nên H đã giả vờ hỏi mượn chị T xe để đi công việc và hẹn trả lại trong ngày, chị T đồng ý. Sau khi chị T đưa chìa khóa xe máy và giao xe cho Hôm mượn, H đã đem xe đến cửa hàng cầm đồ của anh Nguyễn Ích M để đặt cầm cố. Anh M sau khi kiểm tra xe đã đồng ý nhận cầm cố xe với giá 16.000.000 đồng, bao gồm cả tiền cầm cố đăng ký xe máy trước đó. Do H nói muốn cầm cố xe máy trong 20 ngày nên anh M đã chuyển khoản cho H số tiền 12.925.000 đồng, đã trừ đi 75.000 đồng tiền lãi. Sau đó, anh M đưa cho H 1 giấy vay tiền có in sẵn địa chỉ cửa hàng để H tự điền các tHg tin vay số tiền 16 triệu đồng và đặt lại xe máy làm tin. Ngoài ra, anh M còn đưa cho H 01 giấy bán xe để H ký tên nhưng Không viết nội dung (giấy bán xe anh M giữ). Sau khi nhận được tiền, H đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 10/3/2025, anh T có gọi điện cho chị D để nhắc D trả khoản tiền vay 10.000.000 đồng thì mới biết chị D Không vay và Không nhờ H vay hộ khoản tiền này. Anh T sau đó đã gọi điện cho H để hỏi nhưng do Không liên lạc được và cũng Không tìm gặp được H nên anh T đã đến Công an phường Tây Mỗ trình báo sự việc.

Ngày 14/3/2024, Phạm Hoàng H đến Công an phường Tây Mỗ đầu thú.

Cùng ngày 14/3/2024, anh Nguyễn Ích M sau khi biết chiếc xe máy Honda Lead BKS 65H1-384.23 nhận cầm cố là tài sản do H phạm tội mà có nên đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Công an để điều tra, làm rõ.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Hoàng H khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Lead BKS 65H1-384.23; 01 đăng ký xe và 01 giấy bán xe có chữ ký của Phạm Hoàng H.

Tại Kết luận định giá tài sản số 45/KLĐGTS ngày 28/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS - UBND quận Nam Từ Liêm, xác định: *01 xe máy nhãn hiệu Honda Lead BKS 65H1-384.23, số khung: 7930KZ311547, số máy: JF89E0073559, đăng ký lần đầu ngày 16/12/2019, trị giá là 18.000.000 đồng.*

Đối với chiếc xe máy Honda Lead BKS 65H1-384.23, quá trình điều tra xác định xe đăng ký đứng tên chị Đào Thị Chanh Đa (SN: 1988; HKTT: Thới Thạnh, Thới Lai, Cần Thơ (Nay là phường Ô Môn, thành phố Cần Thơ) - là chị gái của chị Đào Thị Chanh T) cho chị T mượn để đi làm nên ngày 28/4/2025, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng và tiến hành trao trả chiếc xe máy cùng 01 đăng ký xe đã thu giữ cho chị T. Chị T đã nhận lại tài sản và Không yêu cầu bồi thường dân sự.

Đối với anh Nguyễn Ích M, quá trình điều tra xác định khi nhận cầm cố tài sản, anh M Không biết nguồn gốc là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra đã có Công văn số 1967 ngày 21/5/2025 đề nghị UBND quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Ích M về hành vi "Nhận cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng Không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố" theo quy định tại điểm i khoản 3 Điều 12 Nghị định 144/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Vụ 1: Khoảng 15 giờ 48 phút ngày 23/2/2025, tại căn hộ 12A11 tòa TK1, Vinhomes Smartcity, phường Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội (nay là phường Tây Mỗ, thành phố Hà Nội), Phạm Hoàng H đã có hành vi gian dối chiếm đoạt số tiền 9.500.000 đồng của anh Nguyễn Văn T. Hậu quả chưa khắc phục. Anh Nguyễn Văn T yêu cầu H bồi thường số tiền 9.500.000 đồng.

Vụ 2: Khoảng 4 giờ 30 phút ngày 10/3/2025, tại số 17/141/1194 đường Láng, phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội (phường Láng, thành phố Hà Nội), Phạm Hoàng H đã có hành vi gian dối chiếm đoạt chiếc xe máy Honda Lead BKS 65H1-384.23, trị giá 18.000.000 đồng của chị Đào Thị Chanh T, đem đi cầm cố cho anh Nguyễn Ích M lấy 16.000.000 đồng và đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là 25.500.000 đồng.

Quan điểm của thẩm phán: